

Số: /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về phân cấp, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2871/TTr-SGTVT ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2882/BC-STP ngày 30 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về phân cấp, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức triển khai, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện để đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 91/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 7 của Quy định về phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 140/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Giao thông vận tải - Vụ Pháp chế ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Sở TTTT (bộ phận Công báo);
- Lưu: VT, KTTH. Nam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Tấn Cảnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về phân cấp, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số/2022/QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về phân cấp, quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, bao gồm:

- a) Phân cấp quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ; chấp thuận xây dựng và cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;
- b) Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường bộ, cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ;
- c) Trách nhiệm quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Quy định này không áp dụng đối với đường quốc lộ do Trung ương quản lý, đường nội bộ doanh nghiệp.

3. Các nội dung khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ, CHẤP THUẬN XÂY DỰNG VÀ CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Phân cấp quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ

1. Phân cấp cho Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý,

bảo trì các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh: Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX (đính kèm).

2. Các cơ quan được phân cấp tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm quản lý, bảo trì các tuyến đường theo phân cấp được quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Phân cấp chấp thuận xây dựng và cấp giấy phép thi công

Phân cấp cho các cơ quan quản lý các tuyến đường quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này chấp thuận xây dựng công trình và cấp giấy phép thi công trong phạm vi đất dành cho đường bộ; chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường bộ, cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý.

Chương III

CHẤP THUẬN XÂY DỰNG, CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đến cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này để được xem xét chấp thuận.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại Khoản 4, Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 6. Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của các cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp; chủ đầu tư công trình thiết yếu hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo nội dung văn bản chấp thuận, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công đến các cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này để được xem xét giải quyết.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Cơ quan cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu có trách nhiệm kiểm tra, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

Điều 7. Chấp thuận xây dựng và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường bộ đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường bộ đang khai thác (trừ các dự án do Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ đầu tư trên các tuyến đường được giao quản lý); chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế, phương án tổ chức giao thông đảm bảo an toàn giao thông đến cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư dự án hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên các tuyến đường bộ đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này cấp giấy phép thi công. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Đối với các dự án sửa chữa, nâng cấp, cải tạo đường bộ trên các tuyến đường bộ đang khai thác do cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này làm chủ đầu tư trên các tuyến đường được giao quản lý thì không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng trước khi thi công, Ban quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý tuyến đường theo phân cấp các hồ sơ có liên quan, bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ thiết

kế bản vẽ thi công được duyệt, phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để được xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ khi tiến hành công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên thì không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chương IV

ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ, CHẤP THUẬN THIẾT KẾ, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC GIAO THÔNG, CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị.

b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ.

c) Đường chuyên dùng, bao gồm: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp.

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

e) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội;

2. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

4. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án xây dựng dọc theo đường tỉnh phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ.

5. Chủ đầu tư công trình đầu nối căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

6. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời có thời hạn để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; Chủ đầu tư công trình đầu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối tạm thời vào đường tỉnh

và cấp phép thi công; thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm bằng tiền độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm, hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.

7. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao đầu nối phải tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không được bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 9. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện do Sở Giao thông vận tải quản lý

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo, xây dựng nút giao; chủ công trình, dự án gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải để xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối (bản chính).

b) Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu)

c) Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

3. Các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện đã được Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông vận tải phê duyệt thiết kế, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông.

4. Nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện chỉ được thi công sau khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, cấp giấy phép thi công theo quy định.

Điều 10. Cấp giấy phép thi công, nghiệm thu, chấp thuận đưa vào sử dụng nút giao đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện do Sở Giao thông vận tải quản lý

1. Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường được giao quản lý; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu; chấp thuận đưa nút giao vào khai thác, sử dụng.

2. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối của Sở Giao thông vận tải; Chủ đầu tư công trình nút giao hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo nội dung chấp thuận, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết

kế theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công đến Sở Giao thông vận tải để được xem xét giải quyết.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Nút giao đầu nối phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

6. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp giấy phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 11. Đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường xã, đường đô thị do Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quản lý

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển giao thông vận tải của địa phương để xem xét chấp thuận vị trí đầu nối, chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp giấy phép thi công, đưa vào khai thác, sử dụng các nút giao đầu nối vào đường huyện, đường xã, đường đô thị; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông tại vị trí nút giao đầu nối theo quy định.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông nút giao; cấp giấy phép thi công nút giao theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 và Khoản 3, Điều 10 của Quy định này. Thời gian giải quyết thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 26 và Khoản 4, Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng nút giao đầu nối có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6, Điều 10 của Quy định này.

Điều 12. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với các dự án khu công nghiệp, dịch vụ thương mại, cửa hàng xăng dầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương địa điểm nằm dọc các tuyến đường hiện đang hoạt động, được phép tồn tại nhưng phải thực hiện các thủ tục về đầu nối theo quy định để đảm bảo an toàn giao thông.

2. Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đang sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công

trình đường bộ, phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nói, mở rộng, làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông; trường hợp cần thiết có nhu cầu xây dựng công trình tạm phải xin cấp phép theo quy định; phải xây dựng rãnh thoát nước để đảm bảo thoát nước, đảm bảo an toàn giao thông; quy mô của rãnh thoát nước phải thỏa thuận với cơ quan quản lý đường bộ.

3. Công trình nhà ở đang tồn tại trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ nhưng không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, khi có nhu cầu sửa chữa phải xin cấp giấy phép theo quy định.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ; cơ quan quản lý đường bộ tiến hành thống kê, xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

3. Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các ngành, đơn vị liên quan thực hiện các quy định pháp luật trong công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường theo phân cấp; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường được giao quản lý trên địa bàn.

6. Chỉ đạo Thanh tra giao thông:

a) Chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý đường bộ và các đơn vị liên quan xử lý kịp thời các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giải tỏa. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

7. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

8. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường theo phân cấp.

9. Tổng hợp tình hình vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên phạm vi toàn tỉnh và kết quả xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Quản lý khu công nghiệp

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường theo phân cấp; xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xử lý kịp thời các vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phối hợp với đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giải tỏa. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

6. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường theo phân cấp.

7. Tổng hợp tình hình vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên phạm vi các tuyến đường được giao quản lý; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả xử lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường theo phân cấp; chỉ đạo các đơn vị chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Thanh tra đường bộ, Ban Quản lý khu công nghiệp, đơn vị quản lý đường bộ và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến mọi tầng lớp nhân dân các quy định về phạm vi hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giải toả vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ; tổ chức xử lý kịp thời vi phạm hành lang an toàn đường bộ khi có hồ sơ của lực lượng Thanh tra đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ cung cấp.

5. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Khi lập quy hoạch sử dụng đất, các khu dịch vụ thương mại, cụm công nghiệp, khu dân cư dọc hai bên hành lang an toàn đường bộ của các tuyến quốc lộ, đường tỉnh phải đảm bảo quy định về hành lang an toàn đường bộ, phải có ý kiến tham gia của cơ quan quản lý đường bộ. Trong quy hoạch các khu dịch vụ thương mại, cụm công nghiệp, khu dân cư dọc hai bên đường phải quy hoạch hệ thống đường gom, hệ thống thoát nước cho đường bộ và khu vực; khi triển khai dự án phải xây dựng hệ thống đường gom theo quy định, hệ thống thoát nước dọc phạm vi dự án; không được cấp quyền sử dụng đất phạm vi đất dành cho lối thoát nước ra sông, ao, hồ, kênh, mương và hệ thống tiêu thoát nước.

7. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cấm mốc lộ giới đối với các tuyến đường theo phân cấp; tiếp nhận bàn giao mốc lộ giới và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đối với các tuyến đường theo phân cấp; chỉ đạo các lực lượng tích cực, thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ và các lực lượng liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường.

2. Tuyên truyền, phổ biến đến mọi tầng lớp nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản hướng dẫn về bảo đảm trật tự an

toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ.

3. Chủ trì, tổ chức xử lý kịp thời vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền khi có hồ sơ của lực lượng Thanh tra đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ cung cấp.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; tiếp nhận và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

5. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, cắm mốc lộ giới đối với các tuyến đường theo phân cấp;

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành liên quan

1. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về tải trọng, kích thước, xếp dỡ hàng hóa của phương tiện cơ giới đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng

Hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; trong quá trình thẩm định hoặc thỏa thuận các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải đảm bảo về hành lang an toàn đường bộ, đường gom, đầu nối theo quy định; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Công Thương

Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng các dự án, công trình công nghiệp, dịch vụ thương mại thuộc thẩm quyền quản lý dọc theo đường bộ đảm bảo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố giải quyết việc chấp hành các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tuyên truyền và yêu cầu các chủ mỏ khai thác khoáng sản lắp đặt trạm cân để kiểm soát tải trọng, ký cam kết không bốc xếp hàng quá tải trọng, quá khổ lên phương tiện; yêu cầu các chủ mỏ chịu trách nhiệm hoàn trả, sửa chữa các công trình giao thông do quá trình vận chuyển khoáng sản trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn các đơn vị liên quan lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hành lang an toàn đường bộ.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Có giải pháp đảm bảo bền vững công trình thủy lợi, đê điều và các công trình giao thông trong trường hợp công trình đê kết hợp công trình giao thông; hướng dẫn việc sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp, đảm bảo an toàn công trình giao thông và các quy định khác có liên quan; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố trong việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến công trình giao thông.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; kiểm tra việc sử dụng kinh phí, quyết toán kinh phí theo quy định.

8. Các Sở: Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị xây dựng công trình thuộc lĩnh vực của ngành đảm bảo quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Thuận, Báo Ninh Thuận; Đài truyền thanh ở cấp huyện, cấp xã tăng cường phổ biến, tuyên truyền quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thông tin kịp thời việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

10. Các sở, ban, ngành khác căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị quản lý đường bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi gần nhất các hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Các cơ quan đoàn thể chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan hữu quan tuyên truyền, vận động chấp hành các

quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.